

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 136/2020/DS-PT

Ngày 30-9-2020

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Vỹ

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Minh Châu

Ông Trần Minh Bắc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Lá – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2020/QĐPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 95/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 109/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 100/2020/QĐPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 128 /2020/TB-TTPT ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2020/QĐPT-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Kim Y, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 30/87 khu phố H, thị trấn LH, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Y:*

Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Theo giấy ủy quyền ngày 17-6-2019) (có mặt).

**- Bị đơn:**

Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1958, bà Trần Kim P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 30/2 Ô4, khu phố H, thị trấn LH, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 54A khu phố 2, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Hoàng Tiến A, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 375 V, thị trấn LĐ, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 375 V, thị trấn L, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền ngày 15-9-2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1985.

2. Ông Phạm Thanh S, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Số 30/87 khu phố Hn, thị trấn LH, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông N và ông S:*

Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo giấy ủy quyền ngày 11-4-2017) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Kim Y – Nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21-8-2013; đơn khởi kiện bổ sung ngày 01-10-2015, ngày 22-10-2018 và ngày 11-4-2019; đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 10-9-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Kim Y và người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Hoàng M trình bày:*

Khoảng tháng 11, 12 năm 2004, bà Y cùng bà P, ông L thỏa thuận miệng chuyển nhượng 03 thửa đất số 72, 74 và 401, tọa lạc tại thị trấn LH, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đến ngày 22-3-2005, hai bên đến Ủy ban nhân dân thị trấn LH ký kết 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trong đó 01 hợp đồng chuyển nhượng diện tích 1.082 m<sup>2</sup> thửa số 72, 74, tờ bản đồ số 26 với giá 15.000.000 đồng và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 1.346 m<sup>2</sup> thửa số 401, tờ bản đồ số 26, phần giá chuyển nhượng ghi là “của chị Trần Kim Y cho em Trần Kim P”. Cả 03 thửa đất nêu trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H121801 ngày 06-11-1997 đứng tên bà Trần Kim Y.

Bà Y xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất trên cho ông L, bà P chứ không phải tặng cho. Giá chuyển nhượng thực tế (thỏa thuận miệng, không lập biên bản) là 25 cây vàng 24K 95%. Lý do ghi giá chuyển nhượng trên hợp đồng khác giá thực tế là để khi làm thủ tục sang tên nộp thuế ít hơn. Hai bên thỏa thuận giao vàng làm 02 đợt, mỗi đợt 12 cây 5 chỉ vàng, lần đầu giao sau khi thỏa thuận mua bán và lần thứ 2 giao sau khi làm thủ tục sang tên xong. Tuy

nhiên, bà Y đã giao đất cho bà P, ông L nhưng ông L, bà P chưa giao vàng cho bà Y.

Vì vậy, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà P phải trả cho Y giá trị các thửa đất nhận chuyển nhượng theo giá thị trường tại thời điểm hiện nay là 29.622.000.000 đồng.

Hiện trạng, trên các thửa đất tranh chấp có 01 căn nhà cấp 4 do ông L, bà P xây dựng và đang quản lý.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Xuân L và bà Trần Kim P trình bày:*

Cuối năm 2004, ông L và bà P thỏa thuận miệng với bà Y về việc bà Y chuyển nhượng 3 thửa đất 72, 74 và 401, tờ bản đồ số 26 thị trấn LH cho ông L, bà P với giá 09 cây vàng 24K 95%. Hai bên thỏa thuận giao bằng vàng nhẫn, làm 02 lần: Lần 01, giao 07 cây vàng vào ngày 26-12-2004 (ngày ký hợp đồng bán thửa 401 tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH), lần thứ 2: giao 02 cây vàng vào ngày 20-02-2005 (tức là ngày ký hợp đồng bán thửa 72 và 74 cũng tại Ủy ban nhân dân thị trấn LH). Ông L là người trực tiếp giao vàng cho bà Y tại nhà của bà Y, có bà A (chị ruột bà Y, bà P) đi cùng.

Đến ngày 22-3-2005, hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa đất trên, được Ủy ban nhân dân thị trấn LH chứng thực cùng ngày. Do ông V chồng bà Y đã chết nên hai người con của bà Y là Phạm Hữu N và Phạm Thanh S phải ký giấy cam kết cho bà Y bán đất. Khi giao vàng có lập giấy biên nhận viết tay nhưng do giấy thất lạc, bà P ông L không còn để nộp cho Tòa án.

Trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai bên thống nhất ghi giá chuyển nhượng là 15.000.000 đồng và “chị cho em” là vì giá chuyển nhượng tính bằng vàng nhưng cơ quan có thẩm quyền chứng thực không cho ghi giá bằng vàng nên mới ghi giá như vậy nhằm mục đích trốn thuế.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông L bà P đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ năm 2005 đến nay, không sang nhượng lại cho ai khác. Khoảng năm 2017, ông bà bỏ tiền xây dựng căn nhà tạm diện tích khoảng 100 m<sup>2</sup> cho con trai là Nguyễn Xuân D ở để trông coi, giữ đất. Còn căn nhà tạm lợp tôn thì cho người khác thuê làm kho chứa hàng. Sau khi xảy ra tranh chấp, ông L, bà P không cho thuê nữa và đã lấy lại mặt bằng.

Nay, trước yêu cầu của bà Y, ông L và bà P không đồng ý. Ông bà khẳng định đã thanh toán xong 09 cây vàng 24K 95% cho bà Y từ năm 2005. Nếu ông bà chưa thanh toán vàng cho bà Y thì tại sao bà Y lại không ngăn chặn việc sang tên đất.

Đối với căn nhà của ông T, bà P và ông L xác nhận ông T xây dựng căn nhà trên đất của ông T, ông bà không bán đất cho ông T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu N và ông Phạm Thanh S trình bày:*

Ông N và ông S là con ruột của ông Phạm Hữu V bà Trần Kim Y. Các ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của bà Y. Trường hợp yêu cầu của bà Y được Tòa án chấp nhận, đề nghị Tòa án giao toàn bộ số tiền bị đơn phải trả cho bà Y, ông N và ông S không yêu cầu được chia số tiền này. Các ông cam đoan không khiếu nại hay tranh chấp về việc bà Y chuyển nhượng 03 thửa đất trên cho bà P, ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS -ST ngày 17-12-2019 của Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 46, 49 Luật Đất đai năm 2003; Điều 167, 168, 692 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim Y đối với ông Nguyễn Xuân L bà Trần Kim P, về việc “Tranh chấp đòi tài sản” là số tiền đã chuyển nhượng đất chưa thanh toán cụ thể: Thửa đất số 72, 74 và 401 tờ bản đồ 26 (số mới thửa 24, tờ bản đồ 118) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 854548 ngày 22-6-2009 đứng tên ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20-12-2019, nguyên đơn bà Trần Kim Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L và bà P phải trả cho bà Y số tiền mua 03 thửa đất số 72, 74 và 401 tờ bản đồ 26 (số mới thửa 24, tờ bản đồ 118) tại thị trấn LH, huyện L, theo giá Hội đồng định giá ngày 18-6-2019.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Sau khi Hội đồng xét xử hòa giải, nguyên đơn bà Trần Kim Y (do ông Lê Hoàng M đại diện) và bị đơn ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P (do ông Nguyễn Thanh H và ông Hoàng Tiến A đại diện) đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

1. Ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P đồng ý trả cho bà Trần Kim Y 09 (chín) cây vàng SJC 24K, tính thành tiền theo giá vàng bán ra ngày 30-9-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc Đá quý Sài Gòn - SJC là: 09 cây x 55.620.000 đồng/cây = 500.580.000 đồng. Đây là số tiền ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa số 72, 74 và 401 tờ bản đồ số 26 (số mới là thửa 24, tờ bản đồ số 118) thị trấn LH, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện L chứng thực cùng ngày 22-3-2005.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P được toàn quyền sử dụng các thửa đất số 72, 74 và 401 tờ bản đồ số 26 (số mới là thửa 24, tờ bản đồ số 118) diện tích 2394,4 m<sup>2</sup>, trong đó có 330 m<sup>2</sup> đất ở, tọa lạc tại thị trấn LH, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 854548 ngày 22-6-2009 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp cho ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P (theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L lập ngày 14-10-2019, kèm theo bản án).

3. Về chi phí tố tụng từ năm 2013 đến năm 2019: Tổng chi phí là 14.834.280 đồng. Bà Trần Kim Y tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P phải nộp 24.023.000 đồng, trong đó: Bà Trần Kim P phải nộp  $\frac{1}{2}$  là 12.011.500 đồng; ông Nguyễn Xuân L phải nộp  $\frac{1}{2}$  là 12.011.500 đồng, nhưng do ông L là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Bà Trần Kim Y không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Kim Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng, theo biên lai thu tiền số 024034 ngày 26-02-2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho bà Trần Kim Y do là người cao tuổi.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Kim Y phù hợp quy định tại Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự và nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về đơn kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bà Trần Kim Y đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] *Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Hữu N, Phạm Thanh S vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi Hội đồng xét xử hòa giải, nguyên đơn bà Trần Kim Y (do ông Lê Hoàng M đại diện), bị đơn ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P (do ông Nguyễn Thanh H và ông Hoàng Tiến A đại diện) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Hữu N, Phạm Thanh S (do ông Lê Hoàng M đại diện) đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như trên. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS -ST ngày 17-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, như sau:

1. Ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P đồng ý trả cho bà Trần Kim Y 09 (chín) cây vàng SJC 24K, tính thành tiền theo giá vàng bán ra ngày 30-9-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc Đá quý Sài Gòn - SJC là 500.580.000 (năm trăm triệu, năm trăm tám mươi ngàn) đồng. Đây là số tiền ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa số 72, 74 và 401 tờ bản đồ số 26 (số mới là thửa 24, tờ bản đồ số 118) thị trấn LH, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện Long Điền chứng thực cùng ngày 22-3-2005.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P được toàn quyền sử dụng các thửa đất số 72, 74 và 401 tờ bản đồ số 26 (số mới là thửa 24, tờ bản đồ số 118) diện tích 2394,4 m<sup>2</sup>, trong đó có 330 m<sup>2</sup> đất ở, tọa lạc tại thị trấn LH, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 854548 ngày 22-6-2009 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp cho ông

Nguyễn Xuân L, bà Trần Kim P (theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Long Điền lập ngày 14-10-2019, kèm theo bản án).

**3. Về chi phí tố tụng từ năm 2013 đến năm 2019:** Tổng chi phí là 14.834.280 (mười bốn triệu, tám trăm ba mươi bốn ngàn, hai trăm tám mươi) đồng. Bà Trần Kim Y tự nguyện chịu và đã nộp xong.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

4.1. Bà Trần Kim P phải nộp 12.011.500 (mười hai triệu, không trăm mười một ngàn, năm trăm) đồng.

4.2. Ông Nguyễn Xuân L được miễn nộp 12.011.500 (mười hai triệu, không trăm mười một ngàn, năm trăm) đồng, do là người cao tuổi.

4.3. Bà Trần Kim Y không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Kim Y số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 024034 ngày 26-02-2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**5. Về án phí phúc thẩm:** Bà Trần Kim Y được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

**6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30-9-2020).**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H. Long Điền, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Long Điền, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. Long Điền, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Cao Minh Vỹ**



